

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 150/2022/HSPT

Ngày 16 - 6 - 2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Phi Kbuôr

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Chung

Ông Hoàng Kim Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ái Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị B Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 16/6/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đưa ra xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 128/2022/TLPT-HS ngày 11 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo Phan Hải N. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2022/HS-ST, ngày 06/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Phan Hải N** (Tên gọi khác: C), sinh năm: 1982 tại Đắk Lắk. Nơi cư trú: Tổ dân phố 5, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 06/12; con ông Phan Viết T1 (đã chết) và con bà Đỗ Thị Thanh X; Bị cáo có vợ tên là Nguyễn Thị Kim N1 (đã ly hôn) và có 01 con, sinh năm 2013.

Bị cáo có 03 tiền án:

- Ngày 31/12/2001, bị TAND huyện Krông Ana xử phạt 15 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo bản án sơ thẩm số 55/HSST, chấp hành xong hình phạt vào ngày 01/3/2003.

- Ngày 16/4/2004, bị TAND huyện Krông Ana xử phạt 36 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo bản án sơ thẩm số 19/HSST, chấp hành xong hình phạt vào ngày 21/11/2006 (bản án này đã áp dụng tình tiết tái phạm đối với bị cáo N).

- Ngày 12/02/2009, bị TAND tỉnh Đắk Lắk xử phạt 36 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo bản án phúc thẩm số 18/HSST, chấp hành xong hình phạt vào ngày 02/5/20011 (bản án này đã áp dụng tình tiết tái phạm nguy hiểm).

- Ngày 10/7/2011, bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, nay xét xử phúc thẩm.

Nhân thân: Đến ngày 07/3/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Krông Ana xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”, đã chấp hành xong hình phạt tù và chưa được xóa án tích.

Bị bắt tạm giam từ ngày 14/9/2011 đến ngày 17/4/2012. Hiện nay đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

* *Người bị hại*: Ông Đỗ Hùng M, sinh năm 1966; trú tại 01 Nguyễn T, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

* *Người làm chứng*:

+ Bà Vũ Thị C, sinh năm 1988. Trú tại: Thôn 5, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt;

+ Ông Lê Anh T, sinh năm 1988. Trú tại: Thôn 5, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt;

+ Ông Vũ Thế B, sinh năm 1985. Trú tại: Thôn 5, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 10/7/2011, gia đình anh Đỗ Hùng M ở tổ dân phố 6, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk phát hiện mất một số tài sản bao gồm 01 xe máy nhãn hiệu A màu đỏ-bạc, biển kiểm soát 47P4-4571, 01 điện thoại di động hiệu S loại cảm ứng màu đen gắn sim số 0167.251.6135; 01 ví da bên trong có khoảng hơn 30.000 đồng, 01 giấy Chứng minh nhân dân, 01 giấy đăng ký xe mô tô 47P4-4571; 01 giấy đăng ký xe mô tô nhãn hiệu D, 01 giấy đăng ký xe cày tay (máy kéo), 01 giấy phép lái xe mô tô (tất cả đều mang tên Đỗ Hùng M); 01 chìa khóa xe 47P4-4571; 01 ổ khóa cổng cùng 01 chìa khóa cổng. Đến sáng ngày 11/7/2011, ông Đỗ Hùng M trình báo vụ việc gia đình bị mất số tài sản trên đến Công an huyện Krông Ana.

Khoảng 03 giờ ngày 11/7/2011, Phan Hải N điều khiển xe máy 47P4-4571 đến nhà bố mẹ của anh Vũ Thế B tại thôn 5, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk để xin ngủ nhờ qua đêm thì chỉ có vợ chồng anh Lê Anh T và chị Vũ Thị C cùng đưa con nhỏ được 02 tuổi ở nhà (chị C là em gái ruột của anh B). Anh T là người mở cửa cho N vào nhà ngủ. Đến khoảng 06 giờ cùng ngày, chị C thức dậy thì thấy N đang loay hoay bên đồng lửa đang cháy dưới bếp, chị C đi lên nhà thì thấy chiếc xe A màu đỏ-bạc dựng trong nhà nên xuống hỏi N thì được N cho biết là xe của bạn nhờ đem đi bán. Khi N đi lên nhà trên, chị C lấy chổi quét nhà thì nhìn thấy 01 cái sim điện thoại vớt ở gần đồng rác ở cạnh bếp lửa nên chị C nhặt lên cất (Sau này chị C mới biết chiếc sim này là do N vớt ra). Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, N hỏi anh T có chỗ nào cầm cố xe máy được không thì anh T chỉ N xuống chợ P vì ở đó có vài tiệm cầm đồ. N điều khiển xe máy nói trên đi khoảng 02 tiếng sau quay lại và nói không cầm được xe. Lúc này anh T mới có ý định mua xe trên nên yêu cầu N cho xem giấy tờ và hỏi N nguồn gốc của xe thì được N cho biết là xe của bạn nhờ bán dùm và đưa anh T xem 01 chứng minh

nhân dân và 01 giấy phép lái xe cùng mang tên Đỗ Hùng M (Vì biết N từng đi tù về tội Trộm cắp tài sản và giam chung phòng với anh Vũ Thế B, là anh vợ của anh T và cũng có vài lần về nhà nhậu với anh T và anh B) và thấy giấy tờ xe không đứng tên N nên anh T nghi ngờ xe này là trộm cắp mà có nên anh T không mua. Sau đó, N lấy ra 01 điện thoại di động cảm ứng màu đen gọi điện thoại cho một vài người bạn rồi rủ anh T đi nhậu tại xã Y. Nhậu xong, N chở anh T về nhà ngủ còn N bỏ đi. Đến tối cùng ngày, chị C lắp sim điện thoại nhặt được của N cho vào số điện thoại của T thì có số điện thoại gọi đến và đưa cho anh T nghe, qua cuộc gọi thì anh T và chị C biết được chiếc xe mà N đi và chiếc sim điện thoại là của anh Đỗ Hùng M bị mất tối 10/7/2011. Đến trưa ngày 12/7/2011, N quay lại tìm anh T nhưng chỉ có chị C ở nhà, N xin số điện thoại của anh B và bỏ đi. Anh T còn nhặt được một số giấy tờ của anh M ở dưới bếp cạnh đồng rác bên bếp lửa và trả lại một số giấy tờ và chiếc sim điện thoại cho anh M vào chiều ngày 12/7/2011. Khoảng 14 giờ ngày 12/7/2011, Phan Hải N điện thoại cho anh B để hỏi địa chỉ của anh B để đến xin ngủ nhờ 01 đêm thì anh B đồng ý. Sau đó, anh B nhận được cuộc điện thoại của anh T thông báo việc N sắp đến và xe N đi là xe trộm cắp mà có. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, N điều khiển xe 47P4-4571 đến gặp anh B tại chợ Q, xã I, huyện P, tỉnh Gia Lai. Khi vào trong nhà, B hỏi dò N về nguồn gốc chiếc xe thì N thừa nhận đó là chiếc xe mà N trộm cắp tại huyện K, tỉnh Đắk Lắk mà có và nhờ B chỉ chỗ cầm hoặc bán chiếc xe trên nhưng B không đồng ý. B khuyên N trả lại xe nhưng N xin ngủ lại một đêm rồi ngày hôm sau N đi. Ngồi nói chuyện một lúc thì B đi xuống nhà nấu cơm và đi tắm còn N ở trên nhà. Sau khi tắm xong, B đi lên thì không thấy N đâu cả, đồng thời Công an huyện K vào làm việc và thu giữ chiếc xe trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 18/7/2011 của Hội đồng định giá tài sản huyện Krông Ana kết luận: 01 xe máy nhãn hiệu A màu đỏ-bạc, biển kiểm soát 47P4-4571 có giá trị 39.000.000 đồng.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Ana đã thu giữ 01 xe máy nhãn hiệu A màu đỏ-bạc, biển kiểm soát 47P4-4571. Ngày 14/11/2011, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K ra Quyết định xử lý vật chứng số 25 ngày 14/11/2011 trả lại tài sản cho chủ sở hữu là anh Đỗ Hùng M.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2022/HS-ST, ngày 06/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 138, điểm g khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Tuyên bố: Bị cáo Phan Hải N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Xử phạt: Bị cáo Phan Hải N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, khấu trừ thời gian tạm giam từ 14/9/2011 đến ngày 17/4/2012.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, về án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/4/2022 bị cáo Phan Hải N kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo N giữ nguyên nội dung kháng cáo kêu oan, bị cáo cho rằng bị cáo không thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là chiếc xe máy biển kiểm soát 47P4-4571 của ông Đỗ Hùng M mà chiếc xe này do tên B nhờ bị cáo đi tiêu thụ. Lời khai của người làm chứng bà Vũ Thị C, ông Lê Anh T, ông Vũ Thế B là không đúng nhưng trong quá trình điều tra không được đối chất, làm rõ, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm để điều tra lại vụ án.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk khẳng định việc cấp sơ thẩm truy tố, xét xử bị cáo Phan Hải N về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Do vậy, đơn kháng cáo kêu oan của bị cáo N là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 09/2022/HS-ST, ngày 06/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana về tội danh, điều luật áp dụng cũng như về hình phạt đối với bị cáo N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại ông Đỗ Hùng M, người làm chứng bà Vũ Thị C, ông Lê Anh T, ông Vũ Thế B vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt của những người trên không gây trở ngại cho việc xét xử, Kiểm sát viên cũng đề nghị xét xử vụ án. Do vậy, căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phan Hải N bị truy tố, xét xử về tội phạm nghiêm trọng, theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Bộ luật hình sự năm 1999 (khoản 2 Điều 27 Bộ luật hình sự năm 2015) thì thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự là 10 năm kể từ ngày 10/7/2011. Đồng thời, trong khoảng thời gian này Phan Hải N lại thực hiện tội phạm mới bị Tòa án nhân dân huyện Krông Ana xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” và chưa được xóa án tích. Do đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 23 Bộ luật hình sự năm 1999 (khoản 3 Điều 27 Bộ luật hình sự năm 2015) thì chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Phan Hải N.

[3] Xét kháng cáo kêu oan của bị cáo Phan Hải N, thấy rằng:

Quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm cũng như phiên tòa phúc thẩm, bị cáo N không thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản của ông Đỗ Hùng M. Tuy nhiên, bị cáo có thừa nhận là bị cáo có điều khiển chiếc xe biển số 47P4-4571 từ khoảng 11 giờ đêm ngày 10/7/2011, xuất phát từ thị trấn B, huyện K là trùng khớp với thời điểm ông M trình báo với cơ quan Công an là bị trộm mất tài sản, bị cáo chạy đến huyện E, tỉnh Đắk Lắk lúc 03 giờ sáng hôm sau và ngày 12/7/2011 chạy đến tỉnh Gia Lai để tiêu thụ chiếc xe máy này. Đồng thời, lời khai của bị cáo về nguồn gốc xe máy mang biển kiểm soát 47P4-4571 lại không

thống nhất, lúc thì khai do bỏ tên B đánh bạc thắng, khi thì khai do tên B đánh bạc thắng và bị cáo gặp tên B tại một quán cà phê ở thị trấn B lúc 11 giờ đêm ngày 10/7/2011 nhưng không rõ quán cà phê nào, tên B đã nhờ bị cáo đi bán trong đêm nhưng bị cáo không cung cấp được lai lịch, nhân thân, địa chỉ cụ thể của tên B; Cơ quan điều tra cũng đã tiến hành xác M lai lịch, nhân thân của đối tượng tên B tại khu vực tại huyện K nhưng không có ai là tên B như bị cáo trình bày. Bị cáo còn khai có cả tên B đi cùng bị cáo chạy đến huyện E và tỉnh Gia Lai (có lúc khai tên B xuống xe ở thị xã B) nhưng những người làm chứng như ông Vũ Thế B, ông Lê Anh T, bà Vũ Thị C đều khai bị cáo N đi một mình và không thấy bị cáo đi cùng với người khác.

Đối với 01 sim điện thoại, 01 ví da và giấy tờ xe bị mất, 01 CMND, bằng lái xe mang tên ông Đỗ Hùng M mà vợ chồng ông T, bà C nhặt được trong nhà của mình mà bị cáo N khai không biết số sim điện thoại và các loại giấy tờ này. Tuy nhiên, cơ quan điều tra đã thu giữ tại nhà vợ chồng ông T và đã trả lại cho ông M là phù hợp với lời khai của người bị hại về giấy tờ bị mất, phù hợp với lời khai của người làm chứng là vợ chồng ông T về sự có mặt của bị cáo tại nhà của vợ chồng ông T và cũng phù hợp với lời khai của bị cáo N là khi tên Bạp giao xe cho bị cáo thì có đưa 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên M. Như vậy, lời khai của bị cáo khai rằng không biết các loại giấy tờ nêu trên là không có cơ sở.

Đồng thời, khi bị cáo N gặp ông Vũ Thế B tại chợ Q, xã I, huyện P, tỉnh Gia Lai. Khi ông B hỏi về nguồn gốc của chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát 47P4-4571 thì bị cáo N đã thừa nhận đó là chiếc xe do bị cáo N trộm cắp tại huyện K, tỉnh Đắk Lắk mà có và nhờ ông B chỉ chỗ cầm hoặc bán chiếc xe trên nhưng ông B không đồng ý và ông B đã khuyên bị cáo N trả lại chiếc xe này.

Như đã nhận định, phân tích ở trên thì thấy có cơ sở kết luận bị cáo N là người đã thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát 47P4-457 của ông Đỗ Hùng M tại thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào đêm ngày 10/7/2011, ngoài ra bị cáo còn lấy trộm 01 chiếc điện thoại di động nhưng không thu hồi được.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Phan Hải N phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 với tình tiết định khung là “Tái phạm nguy hiểm” và xử phạt bị cáo N 02 năm 06 tháng tù là có căn cứ và không oan sai.

Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Hải N, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2022/HS-ST ngày 06/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Tuyên bố bị cáo Phan Hải N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 138, điểm g khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo Phan Hải N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án, khấu trừ thời gian tạm giam từ 14/9/2011 đến ngày 17/4/2012.

[3]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Phan Hải N phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Ana;
- Công an huyện Krông Ana;
- Chi cục THADS huyện K;
- Bị cáo; bị hại.
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Y Phi Kbuôr